

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **308/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 30/8/2022

V/v “Tranh chấp ly hôn, con chung”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B- TỈNH ĐỒNG NAI**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Nhân

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Thiều Thị Phi Loan – Nguyên Phó Chủ tịch Hội liên hiệp Phụ nữ thành phố B.

Ông Phan Đăng Khoa – Chuyên viên Phòng Lao động – Thương binh và xã hội thành phố B.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thế Mạnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Kiên – Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 581/2022/TLST – HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2022, về việc “Tranh chấp ly hôn, con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 345/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/8/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thủy T, sinh năm 1994

Địa chỉ: 149C/3, tổ 5, khu phố T, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai

- Bị đơn: Ông Phạm Hoàng T, sinh năm 1993

Địa chỉ: K5/20A, khu phố 3, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai

Hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Bà T và ông T đều có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Trần Thủy T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phạm Hoàng T tự nguyện tìm hiểu và đi đăng ký kết hôn năm 2016 tại UBND phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; có

tổ chức đám cưới, hôn nhân tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu. Tuy nhiên sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng, thường xuyên xảy ra bất hòa, do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, nhiều lần cả hai cùng ngồi lại vì không muốn hạnh phúc gia đình tan vỡ, cố gắng giải quyết mâu thuẫn nhưng vẫn không có kết quả. Xét thấy, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm của bà với ông Phạm Hoàng T cũng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà xin được ly hôn với ông Phạm Hoàng T để trả tự do cho nhau.

Về con chung: Trong quá trình chung sống bà và ông T có 02 người con chung là cháu Phạm Hoàng B, sinh ngày 28/3/2017 và cháu Phạm Thị Hồng N, sinh ngày 18/12/2018. Ly hôn, bà xin được nuôi dưỡng cháu B và cháu N, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo bản tự khai của ông Phạm Hoàng T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: ông và bà Trần Thủy T tự nguyện tìm hiểu và đi đăng ký kết hôn năm 2016 tại UBND phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; có tổ chức đám cưới, hôn nhân tự nguyện. Quá trình chung sống vợ chồng ông bà có phát sinh mâu thuẫn, tuy nhiên chỉ là những mâu thuẫn nhỏ. Nguyên nhân xuất phát từ phía gia đình bà T không thích ông nên xúi giục bà T ly hôn. Trong thời gian hai vợ chồng sống ly thân, nhiều lần ông muốn hàn gắn nhưng đều bị gia đình bên bà T ngăn cản. Do ông còn thương vợ con nên bà T xin ly hôn, ông không đồng ý.

Về con chung: Trong quá trình chung sống ông và bà T có 02 người con chung là cháu Phạm Hoàng B, sinh ngày 28/3/2017 và cháu Phạm Thị Hồng N, sinh ngày 18/12/2018. Trường hợp ly hôn, ông có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu B, ông đồng ý giao cháu N cho bà T nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Hai bên không ai phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Ông T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố B:

Về việc kiểm sát chấp hành pháp luật tố tụng: việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục theo quy định pháp luật.

Về việc giải quyết tranh chấp:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào Điều 9, Điều 19; Điều 53, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho bà Trần Thủy T được ly hôn

với ông Phạm Hoàng T, bởi giữa hai người đã không còn tình cảm, cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung. Tòa án cũng đã hòa giải đoàn tụ cho hai bên, nhưng bà T vẫn nhất quyết ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Trong quá trình chung sống bà T và ông T có 02 người con chung là cháu Phạm Hoàng B, sinh ngày 28/3/2017 và cháu Phạm Thị Hồng N, sinh ngày 18/12/2018. Do hiện nay ông T đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an TP B; do đó để đảm bảo quyền lợi cho cháu B, cháu N giao 02 cháu cho bà T nuôi dưỡng. Tạm thời ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì không trực tiếp nuôi con nên ông T được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà Tiên trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bị đơn ông T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Nợ chung: các bên không yêu cầu giải quyết. Do đó, không đặt ra xem xét.

Về án phí: Bà Trần Thủy T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Bà Trần Thủy T nộp đơn yêu cầu giải quyết ly hôn với ông Phạm Hoàng T, sinh năm 1993; Hộ khẩu thường trú: K5/20A, khu phố 3, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; hiện nay đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Do đó, căn cứ vào các Điều 28, Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Tòa án có tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Phạm Hoàng T, ông T cung cấp bản tự khai và có đơn xin vắng mặt tại các buổi làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ, tiếp cận, công khai chứng cứ; hòa giải và phiên tòa; bà Trần Thủy T sau đó cũng có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 1, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án đưa ra xét xử vắng mặt bà T và ông T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thủy T và ông Phạm Hoàng T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã được Ủy ban nhân phường B, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên áp dụng Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xác định là hôn nhân hợp pháp.

Theo bà Trần Thủy T khai thì vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu. Tuy nhiên sau đó cả hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng, thường xuyên bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, nhiều lần cả hai đã cùng ngồi lại để hàn gắn vì không muốn hạnh phúc gia đình tan vỡ, cố gắng để

giải quyết mâu thuẫn nhưng vẫn không có kết quả; hiện nay bà và ông T đã sống ly thân.

Xét yêu cầu ly hôn của bà T là có cơ sở chấp nhận vì theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, quý trọng chăm sóc nhau để cùng xây dựng gia đình hạnh phúc. Nhưng trong đời sống chung vợ chồng thì bà T và ông T trong quá trình chung sống có xảy ra mâu thuẫn, hiện cả hai đã ly thân với nhau, việc này cũng được ông T thừa nhận trong bản tự khai cung cấp cho Tòa án. Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ, nhưng bà T vẫn kiên quyết xin ly hôn, cho thấy bà T không còn muốn níu kéo cuộc hôn nhân này. Từ đó, nhận thấy cuộc sống hôn nhân của bà T và ông T không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân hạnh phúc phải xuất phát từ cả hai bên cùng vun đắp, khi một bên đã không còn tình cảm thì có níu giữ cuộc hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, Tòa án căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho bà Trần Thủy T được ly hôn với ông Phạm Hoàng T.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống bà T và ông T có 02 người con chung là cháu Phạm Hoàng B, sinh ngày 28/3/2017 và cháu Phạm Thị Hồng N, sinh ngày 18/12/2018. Bà T xin được nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu B, cháu N. Không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Tại bản tự khai ông T có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu B. Tuy nhiên, cháu B, cháu N đang còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ (bà T), hơn nữa hiện ông T đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an TP B, để đảm bảo quyền lợi cho cháu B, cháu N cần thiết giao cháu Phạm Hoàng B và cháu Phạm Thị Hồng N cho bà T nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục là phù hợp.

Về cấp dưỡng: Tạm thời, ông T không phải cấp dưỡng cho con.

[4] Về tài sản chung: Bà T khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bị đơn ông T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Trường hợp phát sinh tranh chấp sẽ tách ra khỏi kiện bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

[5]. Về nợ chung: Các đương sự đều khai không có, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bà Trần Thủy T phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 228, Điều 266, Điều 271 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 9, Điều 19; Điều 53, Điều 56; Điều 71; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thủy T. Bà Trần Thủy T được ly hôn với ông Phạm Hoàng T.

- Về con chung: Giao cháu Phạm Hoàng B, sinh ngày 28/3/2017 và cháu Phạm Thị Hồng N, sinh ngày 18/12/2018 cho bà Trần Thủy T nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Về cấp dưỡng: Tạm thời ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Vì không trực tiếp nuôi con, nên ông T được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Các đương sự trình bày không có, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Các đương sự trình bày không có, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thủy T phải nộp 300.000đ án phí, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0001593 ngày 01/03/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Bà T đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm

- Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thủy T và ông Phạm Hoàng T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND TP.B;
- THA dân sự ;
- Đương sự;
- UBND xã (phường);
- Lưu.

Nguyễn Trần Nhàn

Các Hội thẩm nhân dân

SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

